

**LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027**  
**CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**

Địa điểm thi: Tổ dân phố Hòn Nghé 2, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa

**Tuần 16: Từ ngày 21/12/2026 đến ngày 25/12/2026**

| TT | Lớp                   | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2        | Thứ 3                          | Thứ 4                                 | Thứ 5                          | Thứ 6      |
|----|-----------------------|----------|-----------|-----------|--------------|--------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------|
|    |                       |          |           |           | 21/12/2026   | 22/12/2026                     | 23/12/2026                            | 24/12/2026                     | 25/12/2026 |
| 1  | 25CB.DD.20A<br>Nhóm 1 | 32       | B.4.1     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Pháp luật                      |            |
| 2  | 25CB.DD.20A<br>Nhóm 2 | 31       | B.4.2     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Pháp luật                      |            |
| 3  | 25CB.DD.20B<br>Nhóm 1 | 35       | B.4.3     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Pháp luật                      |            |
| 4  | 25CB.DD.20B<br>Nhóm 2 | 35       | B.4.4     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Pháp luật                      |            |
| 5  | 25CB.DD.20C           | 51       | B.4.5     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Pháp luật                      |            |
| 6  | 25CB.HA.17            | 14       | B.4.6     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Vật lý tia X-Diện kỹ thuật     | Giáo dục chính trị                    | Kỹ thuật phòng tối             |            |
| 7  | 25CB.XN.17            | 21       | B.4.6     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Giải phẫu bệnh                 | Giáo dục chính trị                    | Vĩ sinh 1                      |            |
| 8  | 25CB.HS.13            | 16       | B.4.6     | 8h00      | Tiếng anh 1  | Dược lý                        | Giáo dục chính trị                    | Điều dưỡng nội khoa            |            |
| 9  | 25CB.PHR.8            | 33       | B.3.1     | 8h00      | Cẩn khớp học | Dấu (khuôn) và mẫu trong KTPHR | Vật liệu nha khoa                     | Ghi và tải lập các tương quan  |            |
| 10 | 25CB.PHCN.8           | 46       | B.3.2     | 8h00      | Bệnh học     | Quản lý và Tổ chức y tế        | GP chức năng hệ vận động và thần kinh | Quá trình phát triển con người |            |

**Tuần 16: Từ ngày 21/12/2026 đến ngày 25/12/2026**

| TT | Lớp                    | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2                       | Thứ 3      | Thứ 4                   | Thứ 5      | Thứ 6                  |
|----|------------------------|----------|-----------|-----------|-----------------------------|------------|-------------------------|------------|------------------------|
|    |                        |          |           |           | 21/12/2026                  | 22/12/2026 | 23/12/2026              | 24/12/2026 | 25/12/2026             |
| 11 | 25CD.DU.15A            | 56       | B.3.4     | 8h00      | Bệnh học                    | Dược lý    | Hóa phân tích           | Dược liệu  |                        |
| 12 | 25CD.DU.15B<br>Nhóm 1  | 30       | B.3.5     | 8h00      | Bệnh học                    | Dược lý    | Hóa phân tích           | Dược liệu  |                        |
| 13 | 25CD.DU.15B<br>Nhóm 2  | 30       | B.3.6     | 8h00      | Bệnh học                    | Dược lý    | Hóa phân tích           | Dược liệu  |                        |
| 14 | 26CDH.HA.18            | 17       | B.4.6     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Quản lý và tổ chức y tế | Giai phẫu  |                        |
| 15 | 26CDH.HS.14            | 37       | B.4.6     | 9h30      | Hòa sinh                    | Y đức      | Kiểm soát nhiễm khuẩn   | Giai phẫu  | Vi sinh -kỹ sinh trùng |
| 16 | 26CDH.XN.18            | 46       | B.4.5     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Quản lý và tổ chức y tế | Giai phẫu  |                        |
| 17 | 26CDH.PHR.9            | 35       | B.4.4     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Pháp luật               | Giai phẫu  |                        |
| 18 | 26CDH.PHCN.9<br>nhóm 1 | 41       | B.4.3     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Pháp luật               | Giai phẫu  |                        |
| 19 | 26CDH.PHCN.9<br>nhóm 2 | 41       | B.4.2     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Pháp luật               | Giai phẫu  |                        |
| 20 | 26CDH.YS.1A            | 45       | B.4.1     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Pháp luật               | Giai phẫu  | Vi sinh -kỹ sinh trùng |
| 21 | 26CDH.YS.1B            | 50       | B.3.2     | 9h30      | Kỹ năng giao tiếp -<br>GDSK | Y đức      | Pháp luật               | Giai phẫu  | Vi sinh -kỹ sinh trùng |

Tuần 17: Từ ngày 28/12/2026 đến ngày 01/01/2027

| TT | Lớp                     | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2             | Thứ 3              | Thứ 4                      | Thứ 5      | Thứ 6      |
|----|-------------------------|----------|-----------|-----------|-------------------|--------------------|----------------------------|------------|------------|
|    |                         |          |           |           | 28/12/2026        | 29/12/2026         | 30/12/2026                 | 31/12/2026 | 01/01/2027 |
| 22 | 26CPDH.DD.21A<br>Nhóm 1 | 33       | B.2.1     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 23 | 26CPDH.DD.21A<br>Nhóm 2 | 33       | B.2.2     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 24 | 26CPDH.DD.21B<br>Nhóm 1 | 36       | B.2.3     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 25 | 26CPDH.DD.21B<br>Nhóm 2 | 36       | B.2.4     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 26 | 26CPDH.DD.21C<br>Nhóm 1 | 36       | B.2.5     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 27 | 26CPDH.DD.21C<br>Nhóm 2 | 36       | B.2.6     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 28 | 26CPDH.DD.21E<br>Nhóm 1 | 33       | B.3.1     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 29 | 26CPDH.DD.21E<br>Nhóm 2 | 33       | B.3.2     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 30 | 26CPDH.DD.21F<br>Nhóm 1 | 32       | B.3.3     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 31 | 26CPDH.DD.21F<br>Nhóm 2 | 32       | B.3.4     | 8h00      | Giải phẫu         | Sinh lý            | Giao tiếp và TH điều dưỡng | Y đức      |            |
| 32 | 26CPDH.DU.16A           | 57       | B.3.6     | 8h00      | Hóa học DC- Vô cơ | Giáo dục chính trị | Tiếng anh                  | Y đức      |            |
| 33 | 26CPDH.DU.16B           | 59       | B.4.5     | 8h00      | Hóa học DC- Vô cơ | Giáo dục chính trị | Tiếng anh                  | Y đức      |            |
| 34 | 26CPDH.DU.16C           | 58       | B.4.6     | 8h00      | Hóa học DC- Vô cơ | Giáo dục chính trị | Tiếng anh                  | Y đức      |            |

**Tuần 17: Từ ngày 28/12/2026 đến ngày 01/01/2027**

| TT | Lớp                    | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2                   | Thứ 3                                      | Thứ 4                         | Thứ 5                         | Thứ 6      |
|----|------------------------|----------|-----------|-----------|-------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------|
|    |                        |          |           |           | 28/12/2026              | 29/12/2026                                 | 30/12/2026                    | 31/12/2026                    | 01/01/2027 |
| 35 | 26CDH.HA.18            | 17       | B.2.6     | 9h30      | Sinh lý                 |                                            | Điều dưỡng cơ sở              | Vật lý đại cương - Lý sinh    |            |
| 36 | 26CDH.HS.14            | 37       | B.2.6     | 9h30      | Sinh lý                 | Sinh học và di truyền                      |                               |                               |            |
| 37 | 26CDH.XN.18            | 46       | B.2.5     | 9h30      | Sinh lý                 | Sinh học và di truyền                      | Điều dưỡng cơ sở              |                               |            |
| 38 | 26CDH.PHR.9            | 35       | B.2.4     | 9h30      | Tiếng anh               | Giáo dục chính trị                         |                               |                               |            |
| 39 | 26CDH.PHCN.9<br>nhóm 1 | 42       | B.2.3     | 9h30      | Tiếng anh               | Giáo dục chính trị                         | Điều dưỡng cơ sở              | Vật lý đại cương - Lý sinh    |            |
| 40 | 26CDH.PHCN.9<br>nhóm 2 | 42       | B.2.2     | 9h30      | Tiếng anh               | Giáo dục chính trị                         | Điều dưỡng cơ sở              | Vật lý đại cương - Lý sinh    |            |
| 41 | 24CD.DD.19A            | 55       | B.2.1     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | CS người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực | CS SK Trẻ em                  | CSSK Phụ nữ, bà mẹ và GD      |            |
| 42 | 24CD.DD.19B            | 57       | B.2.2     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | CS người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực | CS SK Trẻ em                  | CSSK Phụ nữ, bà mẹ và GD      |            |
| 43 | 24CD.DD.19C            | 38       | B.2.3     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | CS người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực | CS SK Trẻ em                  | CSSK Phụ nữ, bà mẹ và GD      |            |
| 44 | 24CD.DU.14A            | 47       | B.2.4     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | Kinh tế được                               | Kỹ năng giao tiếp - GDSK      | Dược lâm sàng                 |            |
| 45 | 24CD.DU.14B            | 48       | B.2.5     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | Kinh tế được                               | Kỹ năng giao tiếp - GDSK      | Dược lâm sàng                 |            |
| 46 | 24CD.DU.14C            | 45       | B.2.6     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | Kinh tế được                               | Kỹ năng giao tiếp - GDSK      | Dược lâm sàng                 |            |
| 47 | 24CD.DU.14D            | 36       | B.3.1     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | Kinh tế được                               | Kỹ năng giao tiếp - GDSK      | Dược lâm sàng                 |            |
| 48 | 24CD.PHR.7             | 31       | B.3.2     | 14h00     | Xác suất thống kê y học | KT phục hình cố định 2: mào, cầu kim loại  | KT phục hình mào sứ, kim loại | KT phục hình cầu sứ, kim loại |            |

**Tuần 17: Từ ngày 28/12/2026 đến ngày 01/01/2027**

| TT | Lớp                | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2                          | Thứ 3                                     | Thứ 4                     | Thứ 5                                         | Thứ 6      |
|----|--------------------|----------|-----------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------|------------|
|    |                    |          |           |           | 28/12/2026                     | 29/12/2026                                | 30/12/2026                | 31/12/2026                                    | 01/01/2027 |
| 49 | 24CD.PHCN.7        | 19       | B. 3.3    | 14h00     | BL & VLTL hệ tim mạch - hô hấp | BL & VLTL hệ cơ - xương khớp              | BL & VLTL hệ thần kinh cơ | BL & VLTL hệ da, tiêu hóa, sinh dục, nội tiết |            |
| 50 | 24CD.HA.16         | 10       | B. 3.3    | 14h00     | KT chụp CL/DT và CHTHN         | KTXQ có dùng thuốc cản quang              | Kỹ thuật siêu âm          | Chẩn đoán hình ảnh XQ                         |            |
| 51 | 24CD.XN.16         | 14       | B. 3.4    | 14h00     | Hóa sinh 2                     | Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | Huyết học truyền máu      | Kỹ sinh trùng 2                               |            |
| 52 | 24.CD.HS.12        | 18       | B. 3.4    | 14h00     | Chăm sóc sau đẻ                | Chăm sóc sơ sinh                          | Quản lý hộ sinh           | CS trong PT sản phụ khoa                      |            |
| 53 | 25CD.DD.20A Nhóm 1 | 32       | B.2.1     | 15h30     | Sinh lý bệnh miễn dịch         | Dinh dưỡng tiết chế                       |                           |                                               |            |
| 54 | 25CD.DD.20A Nhóm 2 | 31       | B.2.2     | 15h30     | Sinh lý bệnh miễn dịch         | Dinh dưỡng tiết chế                       |                           |                                               |            |
| 55 | 25CD.DD.20B Nhóm 1 | 35       | B.2.3     | 15h30     | Sinh lý bệnh miễn dịch         | Dinh dưỡng tiết chế                       |                           |                                               |            |
| 56 | 25CD.DD.20B Nhóm 2 | 35       | B.2.4     | 15h30     | Sinh lý bệnh miễn dịch         | Dinh dưỡng tiết chế                       |                           |                                               |            |
| 57 | 25CD.DD.20C        | 51       | B.2.5     | 15h30     | Sinh lý bệnh miễn dịch         | Dinh dưỡng tiết chế                       |                           |                                               |            |
| 58 | 25CD.HA.17         | 14       | B.2.6     | 15h30     | Giải phẫu X quang              |                                           |                           |                                               |            |
| 59 | 25CD.XN.17         | 21       | B.2.6     | 15h30     | Kỹ sinh trùng 1                | Hóa sinh 1                                |                           |                                               |            |
| 60 | 25CD.HS.13         | 16       | B.2.6     | 15h30     | Điều dưỡng ngoại khoa          |                                           |                           |                                               |            |
| 61 | 25CD.PHR.8         | 33       | B.3.1     | 15h30     | Tạo mẫu và KT sáp              | Tạo mẫu và KT nhựa                        | Vật liệu PHR              | KSNK trong chuyên ngành PHR                   |            |
| 62 | 25CD.PHCN.8        | 46       | B.3.2     | 15h30     | Vật lý đại cương-Lý sinh       | Lượng giá chức năng vận động              |                           |                                               |            |

**Tuần 18: Từ ngày 04/01/2027 đến ngày 08/01/2027**

| TT | Lớp                    | Số lượng | phòng thi | Thời gian | Thứ 2                 | Thứ 3                    | Thứ 4      | Thứ 5                   | Thứ 6                 |
|----|------------------------|----------|-----------|-----------|-----------------------|--------------------------|------------|-------------------------|-----------------------|
|    |                        |          |           |           | 04/01/2027            | 05/01/2027               | 06/01/2027 | 07/01/2027              | 08/01/2027            |
| 63 | 26CDH.DD.21A<br>Nhóm 1 | 33       | B.2.1     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 64 | 26CDH.DD.21A<br>Nhóm 2 | 33       | B.2.2     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 65 | 26CDH.DD.21B<br>Nhóm 1 | 36       | B.2.3     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 66 | 26CDH.DD.21B<br>Nhóm 2 | 36       | B.2.4     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 67 | 26CDH.DD.21C<br>Nhóm 1 | 36       | B.2.5     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 68 | 26CDH.DD.21C<br>Nhóm 2 | 36       | B.2.6     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 69 | 26CDH.DD.21E<br>Nhóm 1 | 33       | B.3.1     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 70 | 26CDH.DD.21E<br>Nhóm 2 | 33       | B.3.2     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 71 | 26CDH.DD.21F<br>Nhóm 1 | 32       | B.3.3     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 72 | 26CDH.DD.21F<br>Nhóm 2 | 32       | B.3.4     | 8h00      | Kiểm soát nhiễm khuẩn | Kỷ năng giao tiếp - GDSK | Hóa sinh   | Ví sinh - kỹ sinh trùng | Sinh học và di truyền |
| 73 | 26CDH.DU.16A           | 57       | B.3.6     | 9h30      | Sinh học và di truyền |                          |            |                         |                       |
| 74 | 26CDH.DU.16B           | 59       | B.4.5     | 9h30      | Sinh học và di truyền |                          |            |                         |                       |
| 75 | 26CDH.DU.16C           | 58       | B.4.6     | 9h30      | Sinh học và di truyền |                          |            |                         |                       |

Tuần 18: Từ ngày 04/01/2027 đến ngày 08/01/2027

| TT | Lớp         | Số lượng | Phòng thi | Thời gian | Thứ 2                                       | Thứ 3                          | Thứ 4           | Thứ 5      | Thứ 6      |
|----|-------------|----------|-----------|-----------|---------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|------------|------------|
|    |             |          |           |           | 04/01/2027                                  | 05/01/2027                     | 06/01/2027      | 07/01/2027 | 08/01/2027 |
| 76 | 24CD.DU.14A | 47       | B.2.1     | 14h00     | Kiểm nghiệm                                 |                                |                 |            |            |
| 77 | 24CD.DU.14B | 48       | B.2.2     | 14h00     | Kiểm nghiệm                                 |                                |                 |            |            |
| 78 | 24CD.DU.14C | 45       | B.2.3     | 14h00     | Kiểm nghiệm                                 |                                |                 |            |            |
| 79 | 24CD.DU.14D | 36       | B.2.4     | 14h00     | Kiểm nghiệm                                 |                                |                 |            |            |
| 80 | 24CD.PHR.7  | 31       | B.2.5     | 14h00     | KT phục hình khung, khung liên kết          |                                |                 |            |            |
| 81 | 24CD.HA.16  | 10       | B.2.6     | 14h00     | Bệnh học chuyên khoa                        |                                |                 |            |            |
| 82 | 24CD.XN.16  | 14       | B.3.1     | 14h00     | Hóa sinh 3                                  | Vi sinh 3                      | Ký sinh trùng 3 |            |            |
| 83 | 24.CD.HS.12 | 18       | B.3.1     | 14h00     | Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ | Sức khỏe môi trường và vệ sinh |                 |            |            |

Lưu ý:

- Sinh viên phải hoàn thành học phí trước ngày thi.  
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.



Trần Ngọc Thành

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Mai Hoa

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2026  
NGƯỜI LẬP BẢNG

Huỳnh Thanh Hùng

KHÁNH HÒA